

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 3 - 2024.

V/v tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Thuỳ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Thiện.

Bà Nguyễn Thị Đẹp.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Số C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Anh **Phạm Tấn H**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **Số B, ấp Đ, xã T, TP ., tỉnh Đồng Tháp.**

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn là chị **Trần Thị N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị **N** và anh **H** được mai mối và tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng thì tổ chức cưới vào năm 2019, nhưng do công việc làm ăn nên đến ngày 09/6/2022 chị **N** và anh **H** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh **H** có tính cờ bạc, ham chơi không lo làm ăn và không chăm sóc gia đình, khi chị **N** và gia đình khuyên ngăn thì anh **H** có những lời lẽ thô tục đối với chị **N**. Do đó, vào tháng 6 năm 2023 chị **N** có

nộp đơn yêu cầu ly hôn anh H đến tháng 9/2023 chị N xin rút đơn kiện để cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Đến tháng 8 năm 2023 anh H do ham chơi thiếu nợ nên bỏ đi khỏi địa phương, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị N nhận thấy không còn tình cảm; không cần có thêm thời gian để suy nghĩ đoàn tụ, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh H nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung tên Trần Thiên Bảo N1, sinh ngày 26/02/2021 và Phạm Trần Ngọc An N2 sinh ngày 19/8/2022. Hiện 02 con đang sống chung với chị N1. Khi ly hôn, chị N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N xác định không nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án bị đơn là anh Phạm Tấn H trình bày:

Anh H thống nhất theo lời trình bày của chị Trần Thị N về thời gian chung sống, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đôi khi vợ chồng có cự cãi qua lại chỉ vì chị N chi tiêu không rõ ràng, anh H thừa nhận có buồn chuyện gia đình nên nghe lời bạn bè ăn chơi, nợ tiền nên từ tháng 8 năm 2023 anh H phải bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh chủ nợ. Mâu thuẫn gia đình còn do chị N thường xuyên bỏ về nhà mẹ ruột sống vì giữa chị N và gia đình chồng không hoà thuận do trước đây cha mẹ anh H không đồng ý việc anh H và chị N kết hôn, từ đó chị N không có tình cảm tốt với phía gia đình chồng và không muốn sống bên nhà chồng. Anh H biết trước đây chị N có nộp đơn ly hôn anh H và xin rút đơn để cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng thực tế chị N vẫn lạnh nhạt với anh H, sống ly thân, anh H gọi điện thoại nhưng chị N cố tình không nghe máy, không muốn gặp mặt anh H.

Tuy vậy, anh H nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, anh H vẫn còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn, anh H yêu cầu được đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thiên Bảo N1, sinh ngày 26/02/2021 và Phạm Trần Ngọc An N2 sinh ngày 19/8/2022. Hiện 02 con đang sống chung với chị N1. Tại phiên tòa, anh H xác định trường hợp ly hôn, anh H yêu cầu nuôi con tên Trần Thiên Bảo N1, không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao con Phạm Trần Ngọc An N2 cho chị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Về con chung: Chị N được quyền nuôi dưỡng hai con tên Trần Thiên

Bảo N1, sinh ngày 26/02/2021 và Phạm Trần Ngọc An N2 sinh ngày 19/8/2022, chị N1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại số B, ấp Đ, xã T, TP ., tỉnh Đồng Tháp; xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị N và anh Phạm Tấn H chung sống vợ chồng từ năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H ham chơi, không lo làm ăn, thiếu nợ phải bỏ địa phương đi, từ đó vợ chồng không còn sống chung. Chị N và anh H không còn liên lạc từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt không thể hàn gắn. Vào tháng 6/2023, chị N đã nộp đơn xin ly hôn anh H, được Tòa án động viên, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Chị N rút đơn cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng anh H vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N không còn quan tâm đến anh H, luôn lạnh nhạt với anh H, giữa chị N và anh H không còn sự quan tâm lẫn nhau; quá trình làm việc, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng phía chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H, không đồng ý đoàn tụ chung sống với anh H.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được ...”.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ khi Tòa án hòa giải đoàn tụ đến nay, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, anh H không thay đổi để vợ chồng thật sự hàn gắn mà trái lại, anh H

thiếu nợ bỏ địa phương đi để tránh chủ nợ, từ đó vợ chồng không sống chung, không có liên lạc và không quan tâm lẫn nhau. Chị **N** không muốn tiếp xúc, nói chuyện, có thấy độ lạnh nhạt với anh **H**. Nếu chị **N** và anh **H** đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc; đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị **N** xác định là không còn tình cảm, không muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh **H** và yêu cầu được ly hôn anh **H**. Do đó, xét yêu cầu của chị **N** xin ly hôn anh **H** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:*

[2.2.1]. Quá trình chung sống chị **N** và anh **H** có 02 con chung tên **Trần Thiên Bảo N1**, sinh ngày 26/02/2021 và **Phạm Trần Ngọc An N2** sinh ngày 19/8/2022, hiện đang sống chung với chị **N1**. Chị **N1** yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Cháu **Bảo N1** và cháu **An N2** từ khi sinh ra cho đến nay đã sống chung với nhau và cùng do chị **N1** nuôi dưỡng, chăm sóc có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hiện cháu 02 cháu là nữ và còn quá nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Ngoài ra, phía anh **H** yêu cầu nuôi con tuy nhiên hiện chưa có công việc ổn định như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng cháu **Bảo N1**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao cháu **Bảo N1** và cháu **An N2** cho chị **N1** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho 02 cháu.

[2.2.2]. Sau khi ly hôn, anh **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; không ai được cản trở. Nếu anh **H** có đủ căn cứ cho rằng chị **N1** không còn đủ điều kiện nuôi con hoặc ngược đãi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị **N1** và anh **H**, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **N1** phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

[4]. *Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị **Trần Thị N**. Cho chị **Trần Thị N** và anh **Phạm Tấn H** ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị **Trần Thị N** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên **Trần Thiên Bảo N1**, sinh ngày 26/02/2021 và **Phạm Trần Ngọc An N2** sinh ngày 19/8/2022, hiện đang sống chung với chị **N1**.

- Chị **Trần Thị N** không yêu cầu anh **Phạm Tấn H** cấp dưỡng nuôi 02 con trong vụ án này, nên không xem xét, giải quyết.

- Anh **Phạm Tấn H** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị **N** và anh **H** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị **Trần Thị N** nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (*về hôn nhân gia đình*); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001564 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TP Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

Võ Thanh Thuỳ